



Thứ năm, ngày 12 tháng 4 năm 2018

Vietnam Daily Review

Tâm điểm dầu khí

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/4/2018		•	
Tuần 9/4-13/4/2018		•	
Tháng 4/2018		•	

Điểm nhấn

- Thị trường quay trở lại mốc 1,170 điểm nhưng giao dịch cầm chừng với thanh khoản suy yếu.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm GAS (+2.81 điểm), MSN (+1.7 điểm), VIC (+0.97 điểm), HPG (+0.67 điểm), VRE (+0.56 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm ROS (-1.25 điểm), VJC (-0.49 điểm), VCB (-0.4 điểm), HDB (-0.36 điểm), MBB (-0.27 điểm)
- Xu hướng dòng tiền tập trung vào nhóm các cổ phiếu Dầu khí.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 5,213.6 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 19.38 điểm. Thị trường có 157 mã tăng và 131 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 5.91 điểm, đóng cửa tại 1,173.02 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index tăng 1.89 điểm lên 135.63 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 61.58 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (-172.8 tỷ), VCB (-77 tỷ), VJC (-44.8 tỷ). Bên cạnh đó, họ bán ròng 3.26 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Các cổ phiếu trụ giảm sâu trong ngày hôm qua như SSI, VIC, MSN đã tăng điểm trong những phút cuối phiên đã giúp chỉ số VN-Index hồi phục gần 6 điểm, quay trở lại mốc 1,170 điểm. Dòng tiền có xu hướng dịch chuyển về ngành Dầu khí trước diễn biến chính trị tại Trung Đông, cụ thể GAS tăng 3.17%, PVD tăng trần còn PVS tăng hơn 7%. Tuy nhiên, VN-Index chưa thực sự thể hiện xu hướng ngắn hạn thanh khoản thị trường thấp và chỉ số đóng cửa dưới SMA(20). BSC nhận định, tâm lý thận trọng trước thông tin căng thẳng địa chính trị sẽ tiếp tục chi phối thị trường. Nhà đầu tư nên theo dõi diễn biến của các chỉ số và cân đối tỷ trọng margin trong giai đoạn diễn biến thị trường chưa rõ ràng.

Phân tích kỹ thuật: PVT_Người vận chuyển

(Vui lòng tải và xem [trang 2 báo cáo](#))

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem [trang 4 báo cáo](#))

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1173.02**
Giá trị: 5213.63 tỷ **5.91 (0.51%)**
Khối ngoại (ròng): -61.58 tỷ

HNX-INDEX **135.63**
Giá trị: 883.05 tỷ **1.89 (1.41%)**
Khối ngoại (ròng): -3.26 tỷ

UPCOM-INDEX **59.67**
Giá trị: 337.39 tỷ **-0.19 (-0.32%)**
Khối ngoại(ròng): 13.2 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	66.6	-0.36%
Giá vàng	1,347	-0.50%
Tỷ giá USD/VND	22,788	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,539	-2.03%
Tỷ giá JPY/VND	21,319	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	-
LS TPCP 5 năm	3.3%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	65.73	VIC	172.80
HPG	50.60	VCB	77.00
VNM	36.50	VJC	44.80
DHG	25.90	KBC	32.10
VRE	22.30	NVL	21.90

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh

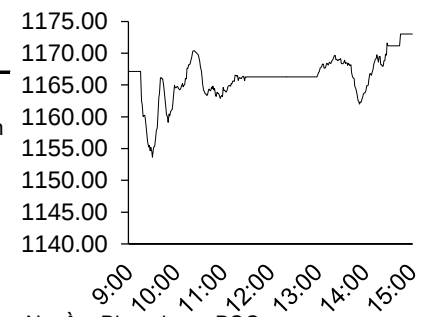
anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

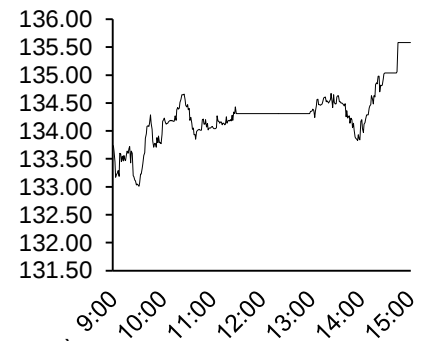
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
PVT	0.8	20.5	20	22	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
VNM	6.5	196.3	187	215	MUA	Tín hiệu MUA cùng Thanh khoản giảm
MSN	3.3	102.0	80	118	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
DHG	1.2	112.3	107	118	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
PHR	0.5	42.4	17	48	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
NVL	9.0	73.8	61	79	MUA	Tăng giá kéo dài
PVS	6.8	22.4	20	27	MUA	Giảm giá trung hạn
DXG	4.4	36.8	36	40	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
CTD	1.3	158.0	147	161	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
NDN	0.6	19.7	10	23	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1804	1141.0	0.1%	36.5%
VN30F1805	1148.9	-0.2%	2.3%
VN30F1806	1156.0	0.0%	23.4%
VN30F1809	1179.0	-0.2%	6.3%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	102	4.1	3.3
HPG	62	2.0	2.2
MWG	104	3.7	1.5
VIC	127	0.8	1.2
GAS	131	3.2	0.8

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	100	-6.7	-1.7
HSG	21	-3.9	-0.4
GMD	29	-1.5	-0.1
VJC	210	-1.4	-1.3
CTD	158	-1.4	-0.1

Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

Mã chứng khoán: PVT _ Người Vận Chuyển

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tăng giá dài hạn, giảm giá ngắn hạn
- Chỉ báo MACD: giảm, phân kỳ bên dưới đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: giảm

Nhận định: PVT đang trong xu hướng tăng giá dài hạn. Sau một nhịp điều chỉnh ngắn hạn, giá cổ phiếu đã rơi xuống ngưỡng hỗ trợ đường MA20. Mặc dù trong 2 phiên giao dịch gần đây, giá cổ phiếu trong phiên biến động mạnh, nhưng vẫn chưa vượt qua được ngưỡng kháng cự MA20 này. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy khả năng cổ phiếu sẽ tiếp tục nhịp điều chỉnh ngắn hạn.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư tiếp tục theo dõi diễn biến điều chỉnh giá cổ phiếu khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ của đường xu hướng dài hạn ở quanh mức 18.5. Trong trường hợp giá cổ phiếu giữ được ngưỡng hỗ trợ này với thanh khoản tốt, nhà đầu tư có thể tận dụng để gia tăng tỷ trọng ở mức giá này với giá mục tiêu 21.8 khi cổ phiếu quay lại kiểm tra đỉnh cũ.



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	DXG	19/3/2018	38.40	36.80	-4.2%	36.0	43.0
2	KDH	04/04/2018	39.10	42.00	7.4%	37.0	43.0
3	GTN	05/04/2018	11.60	11.10	-4.3%	10.9	14.0
4	MWG	12/4/2018	100.50	103.50	3.0%	95.0	115.0
Trung bình					0.5%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	34.80	152.2%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	61.70	142.2%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	84.80	102.4%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	37.4	40.60	8.7%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	37.75	2.7%	30.0	50.0
Trung bình					81.6%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	20.5	84.7%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	35.9	20.9%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	49.9	20.2%	38.3	47.0
4	PLX	16/3/2018	83.0	80.0	-3.6%	75.0	114.0
5	VGC	06/04/2018	25.2	23.6	-6.3%	23.2	32.5
Trung bình					23.2%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	103.5	3.7%	0.6	1,472	2.2	7,166	14.4	5.6	49.0%	45.3%
PNJ	Bán lẻ	186.3	-0.4%	0.8	887	1.4	6,727	27.7	6.8	49.0%	32.6%
BVH	Bảo hiểm	106.6	-0.2%	1.5	3,196	2.3	2,246	47.5	5.2	25.2%	10.7%
PVI	Bảo hiểm	38.9	1.0%	0.6	393	0.3	2,114	18.4	1.3	43.9%	7.1%
VIC	Bất động sản	127.0	0.8%	1.3	14,757	19.9	2,373	53.5	10.0	10.7%	15.8%
VRE	Bất động sản	51.8	1.6%	1.2	4,338	5.1	1,061	48.8	3.8	33.0%	9.0%
NVL	Bất động sản	73.8	1.8%	0.5	2,780	9.0	2,534	29.1	4.8	4.1%	18.7%
REE	Bất động sản	38.6	0.3%	1.0	527	1.3	4,442	8.7	1.5	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	36.8	0.3%	1.1	491	4.4	2,494	14.8	2.9	42.0%	21.3%
SSI	Chứng khoán	42.0	0.5%	1.3	925	11.4	2,371	17.7	2.5	53.5%	14.2%
VCI	Chứng khoán	112.0	0.0%	0.7	592	0.5	5,790	19.3	4.5	39.5%	30.5%
HCM	Chứng khoán	84.8	0.1%	1.0	484	1.7	4,280	19.8	3.9	58.5%	21.4%
FPT	Công nghệ	63.6	1.0%	0.9	1,495	3.7	5,532	11.5	3.0	48.8%	28.0%
FOX	Công nghệ	90.0	5.9%	0.2	598	0.0	5,180	17.4	4.5	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	130.5	3.2%	1.6	11,003	4.5	4,991	26.1	6.0	3.5%	24.0%
PLX	Dầu khí	80.0	1.3%	1.4	4,084	3.3	3,013	26.5	4.5	12.1%	17.1%
PVS	Dầu khí	22.4	7.2%	1.8	441	6.8	1,792	12.5	0.9	16.7%	7.6%
PVD	Dầu khí	20.0	7.0%	1.7	336	2.0	0	196.9	0.6	24.9%	0.3%
DHG	Dược	112.3	0.4%	0.4	647	1.2	4,367	25.7	5.3	46.3%	20.5%
TRA	Dược	95.0	-0.2%	0.0	173	0.0	5,811	16.3	3.8	48.6%	24.6%
DPM	Hóa chất	21.4	0.5%	0.9	369	0.3	1,532	14.0	1.1	22.5%	8.7%
DCM	Hóa chất	12.6	-1.2%	0.5	293	0.2	1,075	11.7	1.1	4.1%	9.5%
VCB	Ngân hàng	70.9	-0.4%	1.5	11,237	10.2	2,527	28.1	4.9	20.6%	18.1%
BID	Ngân hàng	44.4	-0.2%	1.3	6,687	3.5	1,985	22.4	3.3	2.7%	15.3%
CTG	Ngân hàng	35.7	0.0%	1.5	5,856	9.7	1,996	17.9	2.1	30.0%	12.0%
VPB	Ngân hàng	66.4	0.5%	0.7	4,380	7.4	4,564	14.5	3.3	23.5%	26.9%
MBB	Ngân hàng	34.8	-1.1%	1.0	2,783	12.1	1,955	17.8	2.2	20.0%	13.2%
ACB	Ngân hàng	49.9	2.3%	0.9	2,384	7.8	1,953	25.5	3.4	30.0%	14.1%
BMP	Nhựa	71.3	1.9%	0.9	257	1.1	5,676	12.6	2.4	71.5%	19.6%
NTP	Nhựa	60.0	-0.3%	0.4	236	0.0	5,519	10.9	2.6	23.2%	25.1%
MSR	Tài nguyên	28.1	-2.4%	1.5	891	0.2	286	98.3	1.8	2.1%	1.0%
HPG	Thép	61.7	2.0%	0.8	4,123	12.1	5,540	11.1	2.9	39.9%	30.8%
HSG	Thép	21.0	-3.9%	0.9	324	3.1	3,523	6.0	1.4	26.3%	28.8%
VNM	Tiêu dùng	196.3	0.2%	0.7	12,550	6.5	6,356	30.9	12.2	59.4%	40.5%
SAB	Tiêu dùng	230.0	0.0%	0.9	6,498	0.6	7,350	31.3	10.8	9.7%	38.6%
MSN	Tiêu dùng	102.0	4.1%	1.0	4,707	3.3	2,877	35.5	7.2	32.5%	20.6%
SBT	Tiêu dùng	17.3	0.9%	1.1	425	1.9	1,245	13.9	1.4	9.2%	7.6%
ACV	Vận tải	94.2	1.3%	0.8	9,035	0.2	1,883	50.0	7.5	3.5%	15.9%
VJC	Vận tải	210.0	-1.4%	0.8	4,175	6.8	6,233	33.7	19.5	26.1%	68.7%
HAV	Vận tải	47.8	-0.6%	1.8	2,585	1.2	1,931	24.8	3.5	8.9%	14.6%
GMD	Vận tải	28.8	-1.5%	0.8	365	1.5	1,946	14.8	1.3	20.4%	8.1%
PVT	Vận tải	20.5	2.0%	1.0	254	0.8	1,599	12.8	1.6	33.6%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	121.5	1.3%	0.8	856	1.0	6,830	17.8	8.1	2.6%	58.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.6	1.7%	1.0	466	1.7	1,697	13.9	1.6	34.5%	11.8%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.3	0.0%	0.7	240	0.1	1,277	11.2	1.1	6.5%	9.4%
CTD	Xây dựng	158.0	-1.4%	0.2	545	1.3	20,436	7.7	1.7	42.8%	23.2%
VCG	Xây dựng	21.8	1.4%	1.6	424	1.3	3,037	7.2	1.5	9.6%	21.5%
CII	Xây dựng	32.5	0.2%	0.6	352	0.5	6,032	5.4	1.6	67.2%	35.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	130.50	3.16	2.82	791540.00
MSN	102.00	4.08	1.70	755630.00
VIC	127.00	0.79	0.97	3.59MLN
HPG	61.70	1.98	0.67	4.51MLN
VRE	51.80	1.57	0.56	2.25MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	100.00	-6.72	-1.25	1.26MLN
VJC	210.00	-1.41	-0.50	737770.00
VCB	70.90	-0.42	-0.40	3.26MLN
HDB	49.10	-2.00	-0.36	2.71MLN
MBB	34.80	-1.14	-0.27	7.91MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVD	19.95	6.97	0.18	2.32MLN
SVT	7.27	6.91	0.00	100.00
HU1	10.25	6.77	0.00	9000.00
BTT	37.90	6.76	0.01	430.00
SII	19.75	6.76	0.03	40.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTF	5.58	-7.00	-0.03	651410
HOT	59.80	-6.85	-0.01	4310
KSH	2.04	-6.85	0.00	382420
DXV	4.12	-6.79	0.00	5090
TIE	11.00	-6.78	0.00	2400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	49.90	2.25	0.92	3.60MLN
PVS	22.40	7.18	0.36	7.15MLN
SHS	22.40	2.75	0.06	1.55MLN
VGC	23.60	1.72	0.05	1.68MLN
DNP	21.00	7.69	0.04	39200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KLF	2.20	-4.35	-0.02	1.23MLN
TVC	9.10	-4.21	-0.02	360100
VNT	20.70	-10.00	-0.01	1100
V21	13.00	-9.72	-0.01	200
DBC	21.40	-0.93	-0.01	85200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

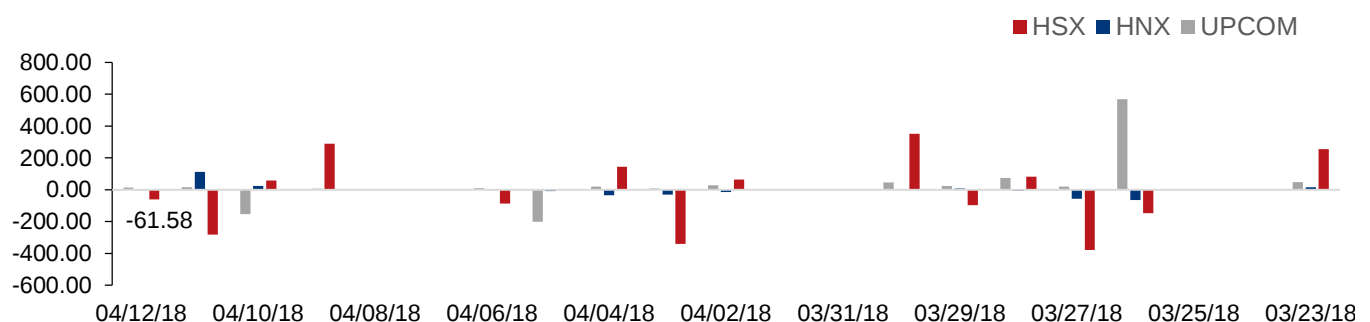
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	3.30	10.00	0.01	3.02MLN
VE9	5.50	10.00	0.01	97800
HGM	41.90	9.97	0.02	2800
VGP	21.00	9.95	0.01	200
CTB	34.60	9.84	0.01	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ARM	49.50	-10.00	-0.01	200
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100
DID	4.60	-9.80	0.00	10100
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100
KMT	5.80	-9.38	0.00	500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.3	530	27.0	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	32.0	2,762	11.6	1.8	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.8	669	22.0	1.3	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	35.0	749	46.7	2.4	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	49.9	1,953	25.5	3.4	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	38.6	4,735	8.2	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	23.9	824	29.0	2.0	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	20.5	1,599	12.8	1.6	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	61.7	5,540	11.1	2.9	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	36.8	2,494	14.8	2.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	13.8	2,797	4.9	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	39.2	5,435	7.2	2.2	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	63.6	5,532	11.5	3.0	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	70.9	2,527	28.1	4.9	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	22.4	1,792	12.5	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	34.8	1,955	17.8	2.2	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	158.0	20,436	7.7	1.7	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.3	164	32.3	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	132.9	18,611	7.1	2.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	186.3	6,727	27.7	6.8	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

